

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Vĩnh

Ông Trịnh Thúc Lân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L – sinh năm: 1982

Trú tại: Số A – đường L – tổ dân phố B – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Thôn C – xã M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(bà L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Tấn H – sinh năm: 1983

Trú tại: Số A – đường L – tổ dân phố B – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C

Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà C – Bán đảo L – phường H – quận H – thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Chí Th – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Đ, địa chỉ: Số D H – tổ dân phố D – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của ông Dương

Quyết Th – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng C).
(ông Thành có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2017, ngày 05 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2002 và có tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Sau đó ông bà tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng vào ngày 21/01/2003. Trong quá trình chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ nhỏ tới lớn. Từ năm 2010 đến nay ông, bà thường xuyên cãi nhau, mỗi lần cãi nhau ông H thường xúc phạm, đánh đập bà và đập phá đồ đạc, đuổi bà và các con ra khỏi nhà. Vợ chồng cũng tự hòa giải nhiều lần và được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ông H thường xuyên vắng nhà nên bà và các con ở nhà tự làm nuôi nhau. Thời gian gần đây do bố ông H mất nên ông H về nhà ở luôn nên vợ chồng bà lại cãi nhau, bà sợ bị đánh đập nên bà đã chuyển về thôn 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để sinh sống từ tháng 11/2017 cho đến nay và vợ chồng bà sống ly thân nhau, kể từ khi sống ly thân bà và ông H không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân không ai quan tâm đến ai nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Tấn H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H có 02 con chung là Lê Hoàng L – sinh ngày 09/11/2002 và Lê Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 16/10/2009. Hiện tại bà và cháu T đang sống cùng bố mẹ ruột của bà tại thôn 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng còn cháu L hiện đang đi làm tại TP.HCM. Khi ly hôn bà Nguyễn Thị L yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Lê Tấn H cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H có nợ Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng số tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày 27/8/2018 là 76.849đ, mượn để mua bò, khi ly hôn bà yêu cầu ông Lê Tấn H có trách nhiệm trả hết số nợ gốc và lãi trên. Ngoài ra bà L không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Lê Tấn H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2002 và có tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Sau đó ông bà tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng vào ngày 21/01/2003. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông sống rất vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn do ông hay đi làm xa nhà nên bà L có ham mê điện thoại, bỏ bê nhà

cửa. Ông đã nhắc nhở bà L nhiều lần, chỉ có duy nhất một lần do quá nóng giận nên ông có tát bà L 02 – 03 cái. Ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác. Hiện nay bà L đã chuyển về sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vì buồn chuyện gia đình. Trong thời gian vợ chồng ly thân, ông thường xuyên vào nhà bố mẹ bà L để tìm gặp bà L nói chuyện, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà L đều tránh mặt. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông, ông H không đồng ý ly hôn với bà L vì ông còn thương vợ con rất nhiều. Nguyên vọng của ông là vợ chồng được trở về đoàn tụ, tiếp tục nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung là Lê Hoàng L – sinh ngày 09/11/2002 và Lê Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 16/10/2009. Hiện nay cháu L đang đi làm tại TP Hồ Chí Minh còn cháu T hiện nay đang ở với ông nên ông không yêu cầu gì về con chung. Trường hợp tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Lê Tấn H yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Hiện nay ông đang làm thợ xây lương trung bình khoảng 6.000.000đ (sáu triệu đồng), vợ chồng ông đã có nhà riêng, ông đủ điều kiện nuôi 02 con.

- Về tài sản chung: Ông Lê Tấn H yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Lê Tấn H yêu cầu giải quyết về nợ chung của Ngân hàng C và một số khoản nợ khác.

Ngoài ra ông H không trình bày hay yêu cầu gì khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C, đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Chí Th trình bày:

Vào ngày 10/6/2016 Ngân hàng C có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H vay số tiền gốc là 20.000.000đ vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo theo hợp đồng số 6600000707584695 ngày 10/6/2016, lãi suất cho vay trong hạn là 0,6875%/1 tháng, lãi suất cho vay quá hạn là 0,89375%/1 tháng, định kỳ trả gốc 12 tháng, số tiền gốc mỗi kỳ trả 6.600.000đ, hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/6/2019, mục đích vay vốn để thực hiện phương án chăn nuôi bò sinh sản. Trong quá trình vay thì bà L và ông H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc định kỳ như cam kết, bà L và ông H còn nợ tiền lãi trong hạn từ ngày 10/10/2018 đến ngày 26/10/2018 là $(20.000.000đ \times 8,25\% / 1 \text{ năm} \times 16 \text{ ngày}) / 365 \text{ ngày} = 72.329đ$.

Nay Ngân hàng C yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H phải trả cho Ngân hàng C số tiền là 20.072.329đ (hai mươi triệu không trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng) trong đó tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi là 72.329đ (Tiền lãi đã được tính đến ngày 26/10/2018) và kể từ ngày 27/10/2018 yêu cầu bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H phải tiếp tục trả tiền lãi của số nợ gốc 20.000.000đ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6600000707584695 ngày 10/6/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc 20.000.000đ.

Ngoài ra ông Nguyễn Chí Th không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Vụ án đã được Tòa án đưa ra hoà giải nhiều lần nhưng không tiến hành hoà giải được vì lý do vắng mặt bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc giải quyết vụ án dân sự nêu trên của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đánh giá nguyên đơn bà Nguyễn Thị L chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Lê Tấn H không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho nguyên đơn bà L được ly hôn với ông H, về con chung giao cho bà L nuôi con chung Lê Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 16/10/2009, giao cho ông H nuôi con chung Lê Hoàng L – sinh ngày 09/11/2002, bà L và ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan buộc bà L và ông H phải trả cho Ngân hàng C số tiền là 20.072.329đ (hai mươi triệu không trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng) trong đó tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi là 72.329đ (Tiền lãi đã được tính đến ngày 26/10/2018) và kể từ ngày 27/10/2018 bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H phải tiếp tục trả tiền lãi của số nợ gốc 20.000.000đ theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 6600000707584695 ngày 10/6/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc 20.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lê Tấn H, bị đơn có nơi cư trú tại số A – đường L – tổ dân phố B – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án tranh chấp ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng vào ngày 21/01/2003 tuy nhiên đăng ký theo Nghị định số 77/2001/NĐ-CP hôn nhân có hiệu lực từ ngày 11/12/2002 vì vậy hôn nhân được xác lập giữa bà L và ông H là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ nhỏ tới lớn. Từ năm 2010 đến nay ông

bà thường xuyên cãi nhau, mỗi lần cãi nhau ông H thường xúc phạm, đánh đập bà và đập phá đồ đạc, đuổi bà và các con ra khỏi nhà. Vợ chồng cũng tự hòa giải nhiều lần và được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ông H thường xuyên vắng nhà nên bà và các con ở nhà tự làm nuôi nhau. Thời gian gần đây vợ chồng bà lại cãi nhau, bà sợ bị đánh đập nên bà đã chuyển về thôn C, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng để sinh sống từ tháng 11/2017 cho đến nay và vợ chồng bà sống ly thân nhau, kể từ khi sống ly thân bà và ông H không ai quan tâm đến ai. Nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đang sống ly thân không ai quan tâm đến ai nên bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Tấn H. Còn bị đơn ông Lê Tấn H trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng ông sống rất vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng thời gian gần đây vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn do ông hay đi làm xa nhà nên bà L có ham mê điện thoại, bỏ bê nhà cửa. Ông đã nhắc nhở bà L nhiều lần, chỉ có duy nhất một lần do quá nóng giận nên ông có tát bà L 02 – 03 cái. Ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác. Hiện nay bà L đã chuyển về sinh sống ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn C, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vì buồn chuyện gia đình. Trong thời gian vợ chồng ly thân, ông thường xuyên vào nhà bố mẹ bà L để tìm gặp bà L nói chuyện, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà L đều tránh mặt. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông, ông H không đồng ý ly hôn với bà L vì ông còn thương vợ con rất nhiều. Nguyên vọng của ông là vợ chồng được trở về đoàn tụ, tiếp tục nuôi dạy con chung. Bà L và ông H đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, bà L và ông H đều xác nhận vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian ly thân ông H không thuyết phục được bà L trở về sống chung. Đồng thời căn cứ biên bản xác minh ngày 16/3/2018 của Tòa án tại Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thì mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị L là có xảy ra, hiện nay ông H và bà L đang sống ly thân, bà L đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại thôn C – xã M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Như vậy, ông H không đồng ý ly hôn với bà L vì cho rằng ông còn thương vợ con rất nhiều và có nguyện vọng vợ chồng được trở về đoàn tụ, tiếp tục nuôi dạy con chung là không phù hợp với tình trạng mâu thuẫn vợ chồng, lời trình bày của bà L là phù hợp với tình trạng mâu thuẫn vợ chồng.

Xét thấy hiện nay mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông H trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn sống chung với nhau thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông H không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L, cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Tấn H là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H sinh được 02 con chung là Lê Hoàng L – sinh ngày 09/11/2002 và Lê Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 16/10/2009. Khi ly hôn nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Trường hợp tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông Lê Tấn H cũng yêu cầu được nuôi 02 con chung. Con là Lê Hoàng L – sinh ngày 09/11/2002 sinh trước ngày đăng ký kết hôn ngày

21/01/2003 (hôn nhân có hiệu lực từ ngày 11/12/2002) nhưng được bà L và ông H thừa nhận là con chung nên căn cứ Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình xác định Lê Hoàng L – sinh ngày 09/11/2002 là con chung của bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H.

Xét thấy theo phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 28/11/2017 của bà Nguyễn Thị L được Công an xã M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng xác nhận ngày 28/11/2017 thì hiện nay cháu Lê Nguyễn Hoàng T đang ở với bà L, bà L không cung cấp được địa chỉ của cháu Lê Hoàng L, bà L và ông H đều thừa nhận hiện nay cháu L đang đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, theo biên bản xác minh ngày 17/4/2018 của Tòa án tại Công an thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng thì hiện nay cháu Lê Hoàng L không có ở địa phương nên không lấy được lời khai của cháu L về nguyện vọng của con, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ bà L. Bà L và ông H đều có chỗ ở hợp pháp và có thu nhập nên đủ điều kiện nuôi con chung. Để đảm bảo nguyện vọng của con chung cũng như không làm ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại hay tâm lý của 02 con chung đồng thời để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của 02 con chung căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 01 con chung là Lê Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 16/10/2009 cho Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên, giao 01 con chung là Lê Hoàng L – sinh ngày 09/11/2002 cho Lê Tấn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi 02 con chung là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, ông Lê Tấn H yêu cầu giải quyết về tài sản chung nhưng không làm đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung là phù hợp.

[6] Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C thì thấy rằng:

Vào ngày 10/6/2016 Ngân hàng C có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H vay số tiền gốc là 20.000.000đ vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo theo hợp đồng số 6600000707584695 ngày 10/6/2016, lãi suất cho vay trong hạn là 0,6875%/1 tháng, lãi suất cho vay quá hạn là 0,89375%/1 tháng, định kỳ trả gốc 12 tháng, số tiền gốc mỗi kỳ trả 6.600.000đ, hạn trả nợ cuối cùng ngày 10/6/2019, mục đích vay vốn để thực hiện phương án chăn nuôi bò sinh sản. Trong quá trình vay thì bà L và ông H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc định kỳ như cam kết, bà L và ông H còn nợ tiền lãi trong hạn từ ngày 10/10/2018 đến ngày 26/10/2018 là $(20.000.000đ \times 8,25\% / 1 \text{ năm} \times 16 \text{ ngày}) / 365 \text{ ngày} = 72.329đ$.

Xét thấy bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H đều ký vào sổ vay vốn, mục đích vay vốn để phục vụ cho cả gia đình. Vì vậy xác định toàn bộ số nợ gốc 20.000.000đ và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là nợ chung của

vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H. Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự và các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C cần buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền là 20.072.329đ (hai mươi triệu không trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng) trong đó tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi là 72.329đ (Tiền lãi đã được tính đến ngày 26/10/2018) trong đó bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền là 10.036.165đ (mười triệu không trăm ba mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi lăm đồng) trong đó tiền gốc là 10.000.000đ và tiền lãi là 36.165đ, ông Lê Tấn H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền là 10.036.164đ (mười triệu không trăm ba mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng) trong đó tiền gốc là 10.000.000đ và tiền lãi là 36.164đ. Kể từ ngày 27/10/2018 bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H phải có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả tiền lãi của số nợ gốc 20.000.000đ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6600000707584695 ngày 10/6/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc 20.000.000đ, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H mỗi người phải có trách nhiệm trả một nửa số tiền lãi phát sinh của số nợ gốc 20.000.000đ kể từ ngày 27/10/2018 là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và tiền án phí dân sự sơ thẩm là $10.036.165đ \times 5\% = 501.808đ$ (năm trăm lẻ một ngàn tám trăm lẻ tám đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007599 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị L còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 501.808đ (năm trăm lẻ một ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

Ông Lê Tấn H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là $10.036.164đ \times 5\% = 501.808đ$ (năm trăm lẻ một ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C được chấp nhận toàn bộ và căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên Ngân hàng C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự

Căn cứ vào các Điều 27, 37, 51, 56, 81, 88 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Lê Tấn H về việc “tranh chấp ly hôn”.

Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Tấn H.

2. Về con chung:

Giao 01 con chung Lê Nguyễn Hoàng T – sinh ngày 16/10/2009 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Giao 01 con chung Lê Hoàng L – sinh ngày 09/11/2002 cho ông Lê Tấn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến tuổi thành niên.

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C đối với bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H về việc “tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền là 20.072.329đ (hai mươi triệu không trăm bảy mươi hai ngàn ba trăm hai mươi chín đồng) trong đó tiền gốc là 20.000.000đ và tiền lãi là 72.329đ (Tiền lãi đã được tính đến ngày 26/10/2018) trong đó bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền là 10.036.165đ (mười triệu không trăm ba mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi lăm đồng) trong đó tiền gốc là 10.000.000đ và tiền lãi là 36.165đ, ông Lê Tấn H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C số tiền là 10.036.164đ (mười triệu không trăm ba mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng) trong đó tiền gốc là 10.000.000đ và tiền lãi là 36.164đ. Kể từ ngày 27/10/2018 bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H phải có trách nhiệm liên đới tiếp tục trả tiền lãi của số nợ gốc 20.000.000đ theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 6600000707584695 ngày 10/6/2016

cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc 20.000.000đ, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Tấn H mỗi người phải có trách nhiệm trả một nửa số tiền lãi phát sinh của số nợ gốc 20.000.000đ kể từ ngày 27/10/2018.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 501.808đ (năm trăm lẻ một ngàn tám trăm lẻ tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007599 ngày 05/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị L còn phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 501.808đ (năm trăm lẻ một ngàn tám trăm lẻ tám đồng).

Ông Lê Tấn H phải nộp 501.808đ (năm trăm lẻ một ngàn tám trăm lẻ tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 26/10/2018); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
ĐÃ KÝ**

Đinh Xuân Trường